

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

Số: 958/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hải Dương, ngày 16 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định cụ thể Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới nâng cao
giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn tỉnh Hải Dương**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020;

Căn cứ Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10/11/2017 điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 691/QĐ-TTg ngày 05/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2018-2020;

Căn cứ Công văn số 1345/BNN-VPĐP ngày 08/02/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn xây dựng và triển khai kế hoạch xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018 - 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 1710/TTr-SNN ngày 12 tháng 10 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định cụ thể Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ngành, đoàn thể tỉnh, Thành viên Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Hải Dương giai đoạn 2016-2020, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và Chủ tịch UBND các xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Huyện ủy, Thành ủy, Thị ủy;
- UBND các xã trong tỉnh (Do UBND các huyện, TX, TP sao gửi);
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, Ô Chính (70b) //

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Dương Thái

QUY ĐỊNH

**Cụ thể Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018-2020
trên địa bàn tỉnh Hải Dương**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1958/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2018 của UBND tỉnh Hải Dương)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định cụ thể nội dung để thực hiện Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018 - 2020 trên địa bàn tỉnh Hải Dương, làm cơ sở xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao hàng năm trong tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan tham gia thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Đối với các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới theo Quyết định số 1010/QĐ-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2014 của UBND tỉnh Hải Dương: trước hết phải tập trung rà soát, chỉ đạo thực hiện để đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Quyết định số 1929/QĐ-UBND ngày 30/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc ban hành Quy định cụ thể Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Hải Dương; Các xã sau khi đã đáp ứng đầy đủ yêu cầu của Quyết định số 1929/QĐ-UBND ngày 30/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương, khẩn trương xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

**Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

1. Tiêu chí Quy hoạch (Tiêu chí số 1)

a) Bảng đánh giá tiêu chí:

TT	Tiêu chí	Nội dung tiểu mục	Mức đánh giá
1	Quy hoạch	1.1. Các quy hoạch đã phê duyệt được rà soát, báo cáo UBND huyện theo định kỳ và điều chỉnh quy hoạch cho phù hợp với nhu cầu phát triển của xã và phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của	Đạt

	huyện, đảm bảo thực hiện theo Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng.	
	1.2.Các Quy hoạch thường xuyên rà soát, bổ sung, phê duyệt, công bố quy hoạch và được quản lý, tổ chức thực hiện theo đúng quy hoạch xây dựng nông thôn mới. Không có các quy hoạch vi phạm về quản lý quy hoạch xây dựng.	Đạt

b) Phương pháp đánh giá tiêu chí:

Xã đạt chuẩn tiêu chí Quy hoạch phải đạt 2 Tiêu mục trong Tiêu chí.

2. Tiêu chí Giao thông (Tiêu chí số 2)

a) Bảng đánh giá tiêu chí:

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu mục	Mức đánh giá
2	Giao thông	2.1.Đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo quy định; Có $\geq 20\%$ số km đường xã vào cấp V theo TCVN 4054:2005 (bề rộng mặt đường tối thiểu 5,5m); - Có 100% số km đường trục thôn, liên thôn, được nhựa hóa, bê tông hóa đạt chuẩn (<i>chiều rộng mặt đường tối thiểu 3,5m</i>); - Có 100% số km đường xóm, ngõ được bê tông hóa. - Có $\geq 70\%$ số km đường ra đồng, đường trục chính nội đồng được bê tông hóa đạt chuẩn (<i>chiều rộng mặt đường tối thiểu 3,5m</i>).	Đạt
		2.2 Có $\geq 50\%$ số km đường trục xã, thôn qua khu vực dân cư tập trung có rãnh thoát nước kín (công hoặc rãnh kiên cố có nắp) không để nước thải chảy tràn ra mặt đường, đảm bảo an toàn giao thông và vệ sinh môi trường.	Đạt
		2.3. Có $\geq 80\%$ các tuyến đường xã, trục thôn trong khu dân cư tập trung có đèn chiếu sáng	Đạt
		2.4. Có 100% các điểm giao nhau cắt giữa các đường thôn, đường xã với đường tỉnh, quốc lộ và điểm giao thông nguy hiểm, tiềm ẩn tai nạn giao thông bố trí đầy đủ báo hiệu giao thông, gờ giảm tốc và phải đảm bảo tầm nhìn.	Đạt
		2.5. Có 100% số km đường xã được duy tu, bảo dưỡng thường xuyên theo quy định đảm bảo chất lượng cộng trình; đảm bảo giao thông an toàn, thông suốt.	Đạt

		2.6. Có $\geq 50\%$ số km đường trục xã, thôn qua khu vực dân cư tập trung được trồng cây hoa hoặc cây xanh đảm bảo cảnh quan môi trường.	Đạt
--	--	---	-----

b) Phương pháp đánh giá tiêu chí:

Xã đạt chuẩn tiêu chí Giao thông phải đạt 6 Tiêu mục trong Tiêu chí.

3. Tiêu chí Thủy lợi (Tiêu chí số 3)

a) Bảng đánh giá tiêu chí:

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu mục	Mức đánh giá
3	Thủy lợi	3.1.100% diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới, tiêu nước chủ động.	Đạt
		3.2. Hệ thống công trình thủy lợi hoạt động hiệu quả, thường xuyên được duy tu, bảo trì theo quy định.	Đạt

b) Phương pháp đánh giá tiêu chí:

Xã đạt chuẩn tiêu chí Thủy lợi phải đạt 2 Tiêu mục trong Tiêu chí.

4. Tiêu chí Điện (Tiêu chí số 4)

a) Bảng đánh giá tiêu chí:

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu mục	Mức đánh giá
4	Điện	4.1. Từ khi xã đạt chuẩn nông thôn mới đến khi xét đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao không phát sinh thêm điểm vi phạm hành lang lưới điện.	Đạt
		4.2. Có 100% hộ dân trong xã được cung cấp đủ điện đảm bảo chất lượng để sử dụng thường xuyên, an toàn từ các nguồn; có kiến thức và thực hiện tốt về sử dụng điện an toàn, tiết kiệm, hiệu quả.	Đạt

b) Phương pháp đánh giá tiêu chí:

Xã đạt chuẩn tiêu chí Điện phải đạt 2 Tiêu mục trong Tiêu chí.

5. Tiêu chí Trường học (Tiêu chí số 5)

a) Bảng đánh giá tiêu chí:

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu mục	Mức đánh giá
5	Trường học	- Trường Mầm non được công nhận đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên. - Trường Tiểu học được công nhận đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.	Đạt

		- Trường Trung học cơ sở được công nhận đạt chuẩn quốc gia.	
--	--	---	--

b) Phương pháp đánh giá tiêu chí:

Xã đạt chuẩn tiêu chí Trường học phải đạt Tiêu mục trong Tiêu chí.

6. Tiêu chí Cơ sở vật chất văn hóa (Tiêu chí số 6)

a) Bảng đánh giá tiêu chí:

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu mục	Mức đánh giá
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã và 100% nhà văn hóa, khu thể thao thôn được khai thác, sử dụng thường xuyên, đảm bảo đúng mục đích, sử dụng hiệu quả và thường xuyên được chỉnh trang, tu sửa đảm bảo công trình mang tính bền vững, tạo môi trường cảnh quan xanh, sạch, đẹp.	Đạt
		6.2. Có $\geq 70\%$ số nhà văn hoá - khu thể thao thôn đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.	Đạt
		6.3. Xã có ao bơi hoặc bể bơi hợp vệ sinh và đảm bảo an toàn cho người sử dụng.	Đạt

b) Phương pháp đánh giá tiêu chí:

Xã đạt chuẩn tiêu chí Cơ sở vật chất văn hóa phải đạt 3 Tiêu mục trong Tiêu chí.

7. Tiêu chí Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn (Tiêu chí số 7)

a) Bảng đánh giá tiêu chí:

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu mục	Mức đánh giá
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	- Đối với xã có chợ nông thôn nằm trong quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phải đạt chuẩn theo quy định. - Đối với xã không có chợ trong quy hoạch phải đảm bảo không có chợ tự phát (chợ cóc) đồng thời phải có cơ sở bán lẻ khác: Siêu thị mini hoặc cửa hàng tiện lợi hoặc cửa hàng kinh doanh tổng hợp đạt chuẩn theo quy định.	Đạt

b) Phương pháp đánh giá tiêu chí: Xã đạt chuẩn tiêu chí Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn phải đạt Tiêu mục trong Tiêu chí.

8. Tiêu chí Thông tin và truyền thông (Tiêu chí số 8)

a) Bảng đánh giá tiêu chí:

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu mục	Mức đánh giá
8	Thông tin và truyền thông	8.1. Có 100% số thôn trong xã có hệ thống loa truyền thanh hoạt động thường xuyên có hiệu quả.	Đạt
		8.2. Xã có sử dụng các phần mềm ứng dụng: <i>Hệ thống quản lý văn bản và điều hành; Hệ thống thư điện tử công vụ; Hệ thống một cửa điện tử dùng chung; Công/Trang thông tin điện tử có chức năng phục vụ công tác quản lý, điều hành và cung cấp tối thiểu 80% thủ tục hành chính thành dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.</i>	Đạt

b) Phương pháp đánh giá tiêu chí:

Xã đạt chuẩn tiêu chí Thông tin và truyền thông phải đạt 2 Tiêu mục trong Tiêu chí

9. Tiêu chí Nhà ở dân cư (Tiêu chí số 9)

a) Bảng đánh giá tiêu chí:

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu mục	Mức đánh giá
9	Nhà ở dân cư	Có $\geq 95\%$ số hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định.	Đạt

b) Phương pháp đánh giá tiêu chí:

Xã đạt chuẩn Tiêu chí Nhà ở dân cư phải đạt Tiêu mục trong Tiêu chí

10. Tiêu chí Thu nhập (Tiêu chí số 10)

a) Bảng đánh giá tiêu chí:

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu mục	Mức đánh giá
10	Thu nhập bình quân đầu người	Thu nhập bình quân đầu người/năm tại thời điểm xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao phải đạt gấp từ 1,2 lần trở lên so với thu nhập bình quân đầu người của xã tại thời điểm được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, cụ thể như sau: - Năm 2018: ≥ 50 triệu đồng/người/năm; - Năm 2019: ≥ 55 triệu đồng/người/năm; - Năm 2020: ≥ 60 triệu đồng/người/năm	Đạt

b) Phương pháp đánh giá tiêu chí:

Xã đạt chuẩn tiêu chí Thu nhập phải đạt Tiêu mục trong Tiêu chí.

11. Tiêu chí Hộ nghèo (Tiêu chí số 11)

a) Bảng đánh giá tiêu chí:

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu mục	Mức đánh giá
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều $\leq 1,5\%$ (Trừ các trường hợp thuộc diện bảo trợ xã hội theo qui định, hoặc do tai nạn rủi ro bất khả kháng, hoặc do bệnh hiểm nghèo)	Đạt

b) Phương pháp đánh giá tiêu chí:

Xã đạt chuẩn tiêu chí Hộ nghèo phải đạt Tiêu mục trong Tiêu chí

12. Tiêu chí Lao động có việc làm (Tiêu chí số 12)

a) Bảng đánh giá tiêu chí:

TT	Tiêu mục	Nội dung tiêu mục	Mức đánh giá
12	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động của xã đạt $\geq 95\%$ và được tuyên truyền, phổ biến kiến thức khoa học, công nghệ, rủi ro thiên tai, cơ chế, chính sách của Nhà nước và được cung cấp thông tin để phát triển sản xuất, kinh doanh hoặc chuyển đổi cách thức làm ăn phù hợp.	Đạt

b) Phương pháp đánh giá tiêu chí:

Xã đạt chuẩn Tiêu chí Lao động có việc làm phải đạt Tiêu mục trong Tiêu chí.

13. Tiêu chí Tổ chức sản xuất (Tiêu chí số 13)

a) Bảng đánh giá tiêu chí:

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu mục	Mức đánh giá
13	Tổ chức sản xuất	13.1. Thực hiện có hiệu quả quy hoạch, kế hoạch phát triển sản xuất hàng hóa chủ lực của xã gắn với cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn. Có ít nhất 01 vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, nông nghiệp an toàn, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ hoặc nông	Đạt

		ngành ứng dụng công nghệ cao được cấp chứng nhận sản xuất theo VietGap hoặc chứng nhận an toàn thực phẩm và thực hiện liên kết theo chuỗi giá trị.	
		13.2. Có ít nhất 01 hợp tác xã hoạt động có hiệu quả.	Đạt

b) Phương pháp đánh giá tiêu chí:

Xã đạt chuẩn tiêu chí Tổ chức sản xuất phải đạt 2 Tiêu mục trong Tiêu chí.

14. Tiêu chí Giáo dục và Đào tạo (Tiêu chí số 14)

a) Bảng đánh giá tiêu chí:

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu mục	Mức đánh giá
14	Giáo dục và Đào tạo	14.1. Có $\geq 95\%$ tỷ lệ huy động trẻ đi học mẫu giáo.	Đạt
		14.2. Có $\geq 98\%$ tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào học lớp 1	Đạt
		14.3. Có $\geq 95\%$ tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học (số trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học).	Đạt
		14.4. Có $\geq 95\%$ tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông hoặc giáo dục nghề nghiệp.	Đạt
		14.5. Có $\geq 65\%$ tỷ lệ lao động có việc làm đã được đào tạo.	Đạt

b) Phương pháp đánh giá tiêu chí:

Xã đạt chuẩn tiêu chí Giáo dục và Đào tạo phải đạt 5 Tiêu mục trong Tiêu chí.

15. Tiêu chí Y tế (Tiêu chí số 15)

a) Bảng đánh giá tiêu chí:

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu mục	Mức đánh giá
15	Y tế	15.1. Có $\geq 90\%$ tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế.	Đạt

		15.2. Trạm y tế xã có đủ điều kiện khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế.	Đạt
		15.3. Thực hiện hiệu quả công tác kiểm soát các dịch bệnh truyền nhiễm và bệnh gây dịch; không có tình trạng ngộ độc thực phẩm đông người.	Đạt

b) Phương pháp đánh giá tiêu chí:

Xã đạt chuẩn tiêu chí Y tế phải đạt 3 Tiêu mục trong Tiêu chí.

16. Tiêu chí Văn hóa (Tiêu chí số 16)

a) Bảng đánh giá tiêu chí:

TT	Tiêu chí	Nội dung tiểu mục	Mức đánh giá
16	Văn hóa	16.1. Có 100% thôn đạt chuẩn danh hiệu văn hóa và có ít nhất 01 thôn được UBND cấp huyện tặng giấy khen.	Đạt
		16.2. Mỗi thôn có ít nhất một câu lạc bộ (đội, nhóm) văn hóa - văn nghệ, thể thao hoạt động thường xuyên; hàng năm xã tổ chức tối thiểu 01 hội diễn văn nghệ và 2-3 hội thao cấp xã thu hút nhiều người dân tham gia, bảo tồn và phát huy những giá trị tốt đẹp văn hóa truyền thống của địa phương (như hát chèo, rỗi nước, đấu vật, pháo đất....), thực hiện tốt công tác xã hội hóa các hoạt động văn hóa – TDTT.	Đạt

b) Phương pháp đánh giá tiêu chí:

Xã đạt chuẩn tiêu chí Văn hóa phải đạt 2 Tiêu mục trong Tiêu chí.

17. Tiêu chí Môi trường (Tiêu chí số 17)

a) Bảng đánh giá tiêu chí:

TT	Tiêu chí	Nội dung tiểu mục	Mức đánh giá
		17.1. 100% hộ dân được sử dụng nước sạch theo quy định.	Đạt
		17.2. Khu xử lý rác thải tập trung của xã (nếu có), phải được trồng nhiều lớp hàng rào cây xanh phù hợp bao bọc xung quanh. 100% lượng rác thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn xã được thu gom và xử lý theo đúng quy định.	Đạt

17	Môi trường	17.3. 100% số hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường.	Đạt
		17.4. 100% cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn thực hiện xử lý rác thải, nước thải, khí thải đạt chuẩn và đảm bảo bền vững.	Đạt
		17.5. Có 100% các làng nghề trên địa bàn được UBND cấp huyện phê duyệt phương án bảo vệ môi trường.	Đạt

b) Phương pháp đánh giá tiêu chí:

Xã đạt chuẩn tiêu chí Môi trường phải đạt 5 Tiêu mục trong Tiêu chí.

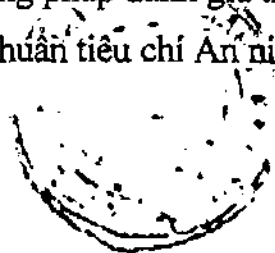
18. Tiêu chí An ninh trật tự - Hành chính công (Tiêu chí số 18)

a) Bảng đánh giá tiêu chí:

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu mục	Mức đánh giá
18	An ninh trật tự - Hành chính công	18.1. Cải cách, đơn giản hóa các thủ tục hành chính; giải quyết các thủ tục hành chính cho các tổ chức, công dân đảm bảo đúng quy định.	Đạt
		18.2. Thực hiện tốt các quy định của pháp luật về dân chủ cơ sở. Các thôn xây dựng hương ước, quy ước cộng đồng được thông qua theo quy định và tổ chức thực hiện có hiệu quả.	Đạt
		18.3. Cán bộ, công chức xã chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật và nâng cao đạo đức công vụ trong thực hiện nhiệm vụ.	Đạt
		18.4. An ninh trật tự được đảm bảo: nhân dân tích cực tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc; có các mô hình tự quản, liên kết bảo vệ an ninh trật tự hoạt động thường xuyên, hiệu quả.	Đạt

b) Phương pháp đánh giá tiêu chí:

Xã đạt chuẩn tiêu chí An ninh trật tự - Hành chính công phải đạt 4 Tiêu mục trong Tiêu chí.



Chương III
QUY TRÌNH XÉT, CÔNG NHẬN VÀ CÔNG BỐ XÃ ĐẠT CHUẨN
NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO

1. Nguyên tắc thực hiện

a) Việc xét công nhận và công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao phải được thực hiện thường xuyên, liên tục hàng năm, đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ, minh bạch, đúng Điều kiện, trình tự, thủ tục và phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

b) Các xã khi được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, thì tiếp tục nâng cao chất lượng các tiêu chí và tiến hành xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

2. Thẩm quyền công nhận và công bố

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận và công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

3. Điều kiện công nhận

Xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, phải đảm bảo các điều kiện:

a) Có đăng ký xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và được Ủy ban nhân dân cấp huyện đưa vào kế hoạch thực hiện;

b) Có 100% tiêu chí thực hiện trên địa bàn xã đạt chuẩn theo quy định.

4. Trình tự xét công nhận và công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao

Thực hiện theo trình tự tại Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định, điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới

Trên đây là Quy định cụ thể Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới nâng cao và quy trình xét, công nhận và công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn tỉnh Hải Dương. Yêu cầu các cấp, các ngành, các tổ chức, cá nhân liên quan thực hiện nghiêm túc Quy định này. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu gặp khó khăn, vướng mắc báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) để xem xét, giải quyết./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Nguyễn Dương Thái